

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ

Trong thời gian khoảng 30 năm kể từ khi Bộ luật hình sự đầu tiên của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời (năm 1985), Bộ luật hình sự đã qua một lần sửa đổi toàn diện (năm 1999) và một số lần sửa đổi, bổ sung một số điều (các năm 1989, 1991, 1992, 1997 và 2009). Bộ luật hình sự đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống pháp luật nói chung và trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói riêng, góp phần vào việc bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội.

Việc hoàn thiện chính sách và pháp luật hình sự luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, vừa nhằm đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm vừa thể hiện chính sách nhân đạo xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã khẳng định: “Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp...”⁽¹⁾. Đảng cũng đã ban hành nhiều nghị quyết liên quan đến pháp luật và cải cách tư pháp. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện, nhân đạo trong việc xử lý người phạm tội. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định và tăng cường bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

Trong thực tiễn hiện nay, tình hình tội phạm tiếp tục có những diễn biến phức tạp, đặc biệt trong một số lĩnh vực có xu hướng gia tăng cả về quy mô và tính chất nguy hiểm như: nhóm tội xâm phạm trật tự, an toàn xã hội có tính chất bạo lực; nhóm tội phạm ma túy,... Một số hành vi nguy hiểm mới phát sinh trong thực tiễn nhưng chưa được kịp thời hình sự hóa hoặc tuy đã được hình sự hóa nhưng chưa đầy đủ, toàn diện, nhất là một số hành vi trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán,...

Do đó, chúng ta cần nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009) (Bộ luật hình sự) để tiếp tục thể chế hóa chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013 trong lĩnh vực pháp luật hình

¹ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 53.

sự. Việc tiến hành sửa đổi Bộ luật hình sự theo Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/6/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XIII là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tiễn. Việc sửa đổi Bộ luật hình sự liên quan đến nhiều nội dung lớn, hệ trọng. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin nghiên cứu đề xuất ý kiến của chúng tôi về một số nội dung liên quan đến Bộ luật hình sự.

I. VỀ CHẾ ĐỊNH TỘI PHẠM - CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ - Chế định tội phạm đối với các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự: Thực trạng và giải pháp

Loại trừ trách nhiệm hình sự là trường hợp một người có hành vi gây thiệt hại cho xã hội, nhưng theo các quy định của Bộ luật hình sự thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Quy định vấn đề "*loại trừ trách nhiệm hình sự*" trong luật hình sự Việt Nam có ý nghĩa pháp lý và xã hội rất quan trọng. Đó là ranh giới trong việc xác định giữa tội phạm và không phải là tội phạm, bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật trong mỗi trường hợp tương ứng, thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước. Đặc biệt, trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, có trường hợp có ý nghĩa tích cực, được Nhà nước và xã hội khuyến khích như: thực hiện hành vi trong phòng vệ chính đáng (là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên) và trong tình thế cấp thiết (là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn chặn), vì đây là những hành vi có ích cho xã hội, vì lợi ích chung của cộng đồng.

Hiện nay, thuật ngữ "*loại trừ trách nhiệm hình sự*" được quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự về "*Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm*". Ngoài ra, trong Bộ luật hình sự Việt Nam còn sử dụng một số thuật ngữ có nội dung tương tự đối với từng trường hợp cụ thể (mặc dù nội hàm có thể chưa đồng nhất) như: "*không phải là tội phạm*", "*không phải chịu trách nhiệm hình sự*", "*không có tội*", v.v... khi đề cập đến *hậu quả pháp lý* của mỗi trường hợp tương ứng trong Bộ luật như sau:

a) Hành vi có tính chất nguy hiểm không đáng kể - thì *không phải là tội phạm* (khoản 4 Điều 8);

b) Sự kiện bất ngờ - thì *không phải chịu trách nhiệm hình sự* (Điều 11);

c) Người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện - thì *không phải chịu trách nhiệm hình sự* (quy định *gián tiếp* trong Điều 12);

d) Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự - thì *không phải chịu trách nhiệm hình sự* (khoản 1 Điều 13);

đ) Phòng vệ chính đáng - thì *không phải là tội phạm* (Điều 15);

e) Tình thế cấp thiết - thì *không phải là tội phạm* (Điều 16).

Trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự, còn quy định một trường hợp được coi là "*không có tội*" - Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì được coi là *không có tội* và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ... (khoản 6 Điều 289); v.v...⁽²⁾.

Hiện nay, trong chương III của Bộ luật hình sự về tội phạm, chúng ta quy định một số trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự, không phải là tội phạm, như vậy về kỹ thuật có điểm chưa phù hợp vì đây là những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Do đó, trong quá trình nghiên cứu sửa đổi Bộ luật hình sự, chúng ta nên quy định một chương riêng về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự để quy định tập trung, thống nhất các trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự, thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta. Trong nội dung chương về loại trừ trách nhiệm hình sự, chúng ta nên dùng thống nhất các thuật ngữ, những thuật ngữ có nội hàm giống nhau thì chúng ta nên lựa chọn sử dụng một thuật ngữ để tạo cách hiểu thống nhất, những thuật ngữ có nội hàm không hoàn toàn đồng nhất hoặc có nội hàm khác nhau thì chúng ta sử dụng thuật ngữ khác nhau.

Theo quy định của Bộ luật hình sự thì có các trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự bao gồm:

- Sự kiện bất ngờ;
- Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự;
- Phòng vệ chính đáng;
- Tình thế cấp thiết.

² Trong Bộ luật hình sự còn quy định gián tiếp một số trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự như: 1) Người *chuẩn bị* phạm một tội *ít* nghiêm trọng hoặc một tội *nghiêm trọng*, thì *không phải chịu trách nhiệm hình sự* về tội định thực hiện (đoạn 2 Điều 17); 2) Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội *không phải chịu trách nhiệm hình sự* về việc không tố giác tội phạm, trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Điều 313 (khoản 2 Điều 22 và khoản 2 Điều 314); v.v...

Về loại trừ trách nhiệm hình sự trong phòng vệ chính đáng, có ý kiến đề nghị cụ thể hóa một số trường hợp được coi là phòng vệ chính đáng để các cá nhân chủ động bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình cũng như khuyến khích được mọi người tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo hành lang pháp lý an toàn. Ý kiến này đề nghị nên quy định 03 trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng, đó là:

- Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình hoặc của người khác;
- Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để chống lại người thi hành công vụ;
- Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người.

Chúng tôi cho rằng cần khuyến khích người dân tích cực, chủ động trong phòng, chống tội phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, việc quy định 03 trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng như trên cần được cân nhắc kỹ.

Thứ nhất, việc liệt kê các trường hợp nêu trên có sự trùng lặp. Trường hợp chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người rộng hơn và đã bao quát trường hợp chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng của mình hoặc của người khác. Vì vậy, nếu cần thiết quy định các trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng như trên thì trường hợp thứ nhất nên chỉnh lý lại là: chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm sức khỏe của mình hoặc của người khác.

Thứ hai, để được coi là phòng vệ chính đáng hay vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hay là phạm tội thông thường thì phải do các cơ quan tiến hành tố tụng căn cứ vào từng trường hợp cụ thể và các quy định của pháp luật về phòng vệ chính đáng để xem xét, quyết định. Về nguyên tắc hành vi được coi là phòng vệ chính đáng phải là hành vi cần thiết, đủ khả năng đẩy lùi và vô hiệu hóa được hành vi tấn công trái pháp luật. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Việc quy định 03 trường hợp nêu trên đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng có điểm chưa phù hợp vì để coi một hành vi là phòng vệ chính đáng thì phải tùy từng điều kiện, hoàn cảnh, trường hợp cụ thể để xem xét mức độ “cần thiết” của hành vi phòng vệ chính đáng, khả năng vô hiệu hóa hành vi trái pháp luật, tính chất, mức độ của hành vi phòng vệ chính đáng so với tính chất, mức độ của hành vi trái pháp luật,... Tuy nhiên, đối với các trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng nêu

trên lại chưa xem xét đến các yếu tố này. Trong thực tế, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công trái pháp luật thuộc các trường hợp nêu trên có thể rất khác nhau trong khi đó quy định gây thiệt hại với bất cứ mức độ nào cho người thực hiện hành vi tấn công trái pháp luật trong các trường hợp này đều đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng là chưa phù hợp, có thể bị lạm dụng.

Thứ ba, việc liệt kê các trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng như trên có thể tạo nên sự không thống nhất giữa quy định về phòng vệ chính đáng và các trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng vì việc quy định 03 trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng lại chưa căn cứ vào quy định phòng vệ chính đáng.

Bên cạnh các trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự nêu trên, có ý kiến đề nghị nên bổ sung thêm một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự đó là:

- Gây thiệt hại trong khi bắt, giữ người phạm pháp, theo đó, hành vi của người để bắt, giữ người phạm pháp mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực gây thiệt hại cho người bị bắt, giữ thì không phải là tội phạm;

- Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, theo đó, hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới mặc dù đã tuân thủ đúng các quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng ngừa thì không phải là tội phạm;

- Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên, theo đó, người thực hiện hành vi gây thiệt hại trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên trong lực lượng vũ trang nhân dân liên quan đến vấn đề quốc phòng, an ninh và người thi hành mệnh lệnh đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người ra mệnh lệnh, cấp trên nhưng người ra mệnh lệnh vẫn yêu cầu chấp hành mệnh lệnh đó thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Việc bổ sung một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự là cần thiết nhằm khuyến khích người dân tham gia phòng, chống tội phạm, nghiên cứu khoa học, bảo đảm việc chấp hành nghiêm túc mệnh lệnh trong lực lượng vũ trang nhân dân. Tuy nhiên, việc loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp: “Gây thiệt hại trong khi bắt, giữ người phạm pháp” cần được nghiên cứu để quy định chặt chẽ hơn:

Thứ nhất, cần xác định rõ người phạm pháp trong trường hợp này là người có dấu hiệu vi phạm pháp luật hành chính hay là người có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự. Chúng tôi cho rằng loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp này chỉ nên

áp dụng đối với trường hợp người dân bắt, giữ người có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

Thứ hai, để loại trừ trách nhiệm hình sự của người dân bắt, giữ người phạm pháp thì bên cạnh việc xác định “không còn cách nào khác”, cần phải xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm cũng như tính chất, mức độ của hành vi chống lại việc bắt, giữ để xác định tính chất, mức độ sử dụng vũ lực gây thiệt hại cho người bị bắt, giữ. Cần phải xác định việc sử dụng vũ lực của người dân để bắt, giữ người phạm pháp là trong trường hợp “không còn cách nào khác” và việc sử dụng vũ lực là cần thiết để đẩy lùi, vô hiệu hóa sự chống đối, việc trốn tránh, nhằm bắt, giữ người phạm pháp.

Vì vậy, việc loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp này nên được chỉnh lý lại như sau: Gây thiệt hại trong khi bắt, giữ *người có dấu hiệu phạm tội*, theo đó, hành vi của người để bắt, giữ *người có dấu hiệu phạm tội* mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực *một cách cần thiết*, gây thiệt hại cho người bị bắt, giữ thì không phải là tội phạm.

II. VỀ CHẾ ĐỊNH HÌNH PHẠT – MIỄN CHẤP HÀNH PHẦN HÌNH PHẠT TÙ CÒN LẠI CÓ ĐIỀU KIỆN – Hoàn thiện giải pháp đối với chế định hình phạt – miễn chấp hành hình phạt tù còn lại có điều kiện.

Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp đã được thể hiện tại Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, nhằm cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về việc tăng cường đề cao quyền con người, quyền công dân, chúng tôi thấy rằng cần nghiên cứu quy định chế định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện trong dự án Bộ luật hình sự sửa đổi. Theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành, tùy từng trường hợp với các điều kiện được xác định, chúng ta đã có các quy định nhằm tạo điều kiện cho người bị kết án phạt tù không bị cách ly khỏi xã hội hoặc sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng như: miễn chấp hành hình phạt tù, quy định về án treo (thực chất là miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện), giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù,...

Việc quy định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện góp phần hoàn thiện các quy định về miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt. Miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện là việc người đang chấp hành hình phạt tù, khi đáp ứng những điều kiện nhất định thì được Tòa án xem xét cho miễn chấp hành phần thời gian còn lại của hình phạt tù và ấn định thời gian thử thách bằng thời gian hình phạt tù còn lại và buộc người đó phải chấp hành các nghĩa vụ theo quy định. Nếu trong thời gian thử thách, người đó vi phạm nghĩa vụ theo quy định, phạm tội mới thì Tòa án xem xét quyết định hủy bỏ việc miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện và buộc họ chấp hành phần hình phạt tù còn lại (và chấp hành hình phạt mới nếu phạm tội mới).

Quy định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện là một giải pháp cho phép người phạm tội đang chấp hành hình phạt tù sớm được trở về với cộng đồng khi đáp ứng được những điều kiện nhất định và họ phải tuân thủ những nghĩa vụ và chịu sự giám sát, giúp đỡ của gia đình, cơ quan có thẩm quyền trong thời gian nhất định. Việc quy định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện có ý nghĩa quan trọng. Đây được coi là một trong những giải pháp nhằm khuyến khích người đang chấp hành hình phạt tù nỗ lực phấn đấu cải tạo tốt. Bên cạnh đó, việc miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện với thời gian thử thách và những quy định chặt chẽ vừa nhằm mục đích tạo cho người được miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện có cơ hội, điều kiện dần tái hòa nhập cộng đồng và vẫn bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật vừa nâng cao ý thức, trách nhiệm của họ trong việc sửa chữa sai lầm, không vi phạm pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tái phạm.

* Về điều kiện được miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện, chúng tôi cho rằng cần quy định chặt chẽ, bảo đảm áp dụng thống nhất và tính nghiêm minh của pháp luật. Theo chúng tôi, có thể nghiên cứu quy định các điều kiện được miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện theo hướng như sau:

- Phạm tội lần đầu;
- Có nhiều tiên bộ, ý thức cải tạo tốt;
- Đã chấp hành được ít nhất một phần hai mức thời hạn tù theo bản án đối với hình phạt tù có thời hạn, nếu trước đó đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành hình phạt tù hoặc ít nhất hai mươi năm đối với tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn;
- Có nơi cư trú rõ ràng;
- Đã chấp hành đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và các quyết định khác của bản án;
- Không thuộc một trong các trường hợp phạm tội không áp dụng miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện.

Tiêu chí đầu tiên đặt ra để được miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện là phạm tội lần đầu. Trong nghiên cứu còn có một số ý kiến khác nhau về phạm tội lần đầu:

Có ý kiến cho rằng, phạm tội lần đầu là lần đầu bị đưa ra xét xử, vì chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền quyết định hình phạt, một người chỉ bị Tòa án đưa ra xét xử thì mới có việc quyết định hình phạt và chỉ khi quyết định hình phạt thì Tòa án mới căn cứ

vào các tình tiết giảm nhẹ (Điều 45 Bộ luật hình sự). Nếu người phạm tội đã có nhiều lần phạm tội nhưng chưa có lần nào bị Tòa án kết án thì vẫn được coi là phạm tội lần đầu³.

Ý kiến khác cho rằng, phạm tội lần đầu cũng là trường hợp lần đầu bị đưa ra xét xử hoặc tuy đã bị đưa ra xét xử nhiều lần, nhưng trước khi bị đưa ra xét xử lần này, nếu hành vi phạm tội trước đó đã được xoá án tích hoặc đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì vẫn được coi là phạm tội lần đầu⁴.

Có ý kiến lại cho rằng, phạm tội lần đầu là trường hợp một người thực hiện một hoặc một số hành vi phạm tội nhưng chưa bị xử lý hoặc bị xét xử lần nào lần đưa ra xét xử này là lần đầu tiên⁵.

Theo chúng tôi thì các cơ quan có thẩm quyền cần hướng dẫn cụ thể về các trường hợp được xác định là phạm tội lần đầu. Chúng tôi cho rằng nên xác định phạm tội lần đầu là lần đầu tiên bị xét xử về hành vi phạm tội, trước đó chưa bị xét xử lần nào.

Về tiêu chí “có nhiều tiến bộ, ý thức cải tạo tốt”: hiện nay, theo quy định của Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC về việc hướng dẫn thi hành các quy định về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân, thì có nhiều tiến bộ, ý thức cải tạo tốt được quy định như sau: có nhiều tiến bộ thể hiện ở việc chấp hành tốt Nội quy Trại giam, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ; tích cực học tập, lao động cải tạo và phải có đủ kỳ xếp loại chấp hành án phạt tù từ khá trở lên, cụ thể như sau:

- Phạm nhân bị phạt tù chung thân phải có ít nhất bốn năm liên tục liền kề thời điểm xét giảm thời hạn được xếp loại từ khá trở lên. Trường hợp bị kết án tử hình được Chủ tịch nước ân giảm xuống tù chung thân phải có ít nhất năm năm liên tục liền kề thời điểm xét giảm được xếp loại từ khá trở lên;

- Phạm nhân bị phạt tù trên hai mươi năm đến ba mươi năm phải có ít nhất ba năm sáu tháng liên tục liền kề thời điểm xét giảm được xếp loại từ khá trở lên;

- Phạm nhân bị phạt tù trên mười lăm năm đến hai mươi năm phải có ít nhất ba năm liên tục liền kề thời điểm xét giảm được xếp loại từ khá trở lên;

³ Thạc sỹ Đinh Văn Quế- Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

⁴ Thạc sỹ Đinh Văn Quế- Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

⁵ Thạc sỹ Đinh Văn Quế- Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Phạm nhân bị phạt tù trên mười năm đến mười lăm năm phải có ít nhất hai năm liên tục liền kề hoặc tám quý liền kề thời điểm xét giảm được xếp loại từ khá trở lên;
- Phạm nhân bị phạt tù trên năm năm đến mười năm phải có ít nhất một năm hoặc bốn quý liền kề thời điểm xét giảm được xếp loại từ khá trở lên;
- Phạm nhân bị phạt tù trên ba năm đến năm năm phải có ít nhất sáu tháng hoặc hai quý liền kề thời điểm xét giảm được xếp loại từ khá trở lên;
- Phạm nhân bị phạt tù ba năm trở xuống phải có ít nhất một quý gần nhất được xếp loại từ khá trở lên.

Theo chúng tôi, tiêu chí có nhiều tiến bộ, ý thức cải tạo tốt thể hiện rõ nét qua việc xếp loại chấp hành án phạt tù ở Trại giam, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ. Do đó, chúng ta có thể nghiên cứu tham khảo các quy định trên đây trong quá trình hướng dẫn cụ thể hóa tiêu chí có nhiều tiến bộ, ý thức cải tạo tốt trong trường hợp miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện.

Về tiêu chí “Đã chấp hành được ít nhất một phần hai mức thời hạn tù theo bản án đối với hình phạt tù có thời hạn, nếu trước đó đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành hình phạt tù hoặc ít nhất hai mươi năm đối với tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn”: Để được miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện thì đương nhiên người bị kết án phạt tù đã phải chấp hành một phần nhất định hình phạt tù. Mức thời gian đã chấp hành phần hình phạt tù cần quy định để bảo đảm đủ tính giáo dục, tính răn đe, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, sự chặt chẽ trong áp dụng việc miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện. Đối với hình phạt tù có thời hạn thì phạm nhân phải chấp hành được ít nhất một phần hai mức thời hạn tù theo bản án, trường hợp trước đó đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành hình phạt tù. Quy định như vậy bảo đảm chặt chẽ và áp dụng thống nhất. Đối với hình phạt tù có thời hạn, ít nhất một phần hai thời gian đã chấp hành phần hình phạt tù được tính theo thời hạn của hình phạt tù mà Tòa án đã tuyên, không phải thời hạn phạt tù sau khi đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù; bên cạnh đó, trường hợp đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành hình phạt tù. Đối với tù chung thân thì phải đã được giảm xuống tù có thời hạn và phải chấp hành được ít nhất hai mươi năm tù. Quy định như vậy sẽ bảo đảm chặt chẽ và thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 58 Bộ luật hình sự hiện hành: “Một người có thể được giảm nhiều lần, nhưng phải bảo đảm chấp hành được một phần hai mức hình phạt đã tuyên. Người bị kết án tù chung thân, lần đầu được giảm xuống ba mươi năm tù và dù được giảm nhiều lần cũng phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là hai

mười năm”. Theo chúng tôi, quy định về thời gian tối thiểu phạm nhân phải chấp hành hình phạt tù nêu trên mới được miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện là phù hợp.

Về tiêu chí “có nơi cư trú rõ ràng”: theo quy định của Điều 12 Luật cư trú: “Nơi cư trú của công dân là chỗ ở hợp pháp mà người đó thường xuyên sinh sống. Nơi cư trú của công dân có thể là nơi thường trú hoặc tạm trú”. Việc quy định có nơi cư trú rõ ràng nhằm mục đích tiếp tục theo dõi những đối tượng được miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện ở địa phương. Khi quyết định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện, Tòa án giao người được miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Ủy ban nhân dân cấp xã phân công người trực tiếp theo dõi, giám sát người đó.

Về tiêu chí “Đã chấp hành đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và các quyết định khác của bản án”: ngoài hình phạt chính phải chấp hành, người phạm tội còn có thể bị Tòa án tuyên phạt các hình phạt bổ sung, các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và các phần quyết định khác nhằm mục đích tăng thêm hiệu quả của hình phạt và góp phần chủ động loại trừ điều kiện tái phạm của người bị kết án. Việc chấp hành đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và các quyết định khác của bản án đối với người phạm tội thể hiện sự ăn năn hối cải, sự tích cực hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội. Do đó, cần xác định đây là một tiêu chí áp dụng đối với các trường hợp miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện.

Về tiêu chí “Không thuộc một trong các trường hợp phạm tội không áp dụng miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện”: Theo chúng tôi, có một số loại tội phạm do tính chất nguy hiểm đặc biệt nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà chúng ta cần quy định không áp dụng chế định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện. Nếu áp dụng chế định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện đối với một số trường hợp này sẽ làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

* Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét duyệt và quyết định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện:

Hiện nay, theo quy định của Bộ luật hình sự và Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC về việc hướng dẫn thi hành các quy định về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân thì trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù được tiến hành như sau:

Bước 1: Các Trại giam thuộc Bộ Công an thành lập Hội đồng xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù do Giám thị làm Chủ tịch, Phó Giám thị phụ trách công tác giáo dục, hồ sơ làm Ủy viên thường trực, Đội trưởng Giáo dục và hồ sơ làm Ủy viên thư ký và các Ủy viên. Trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù do Giám thị làm Chủ tịch, Phó Giám thị phụ trách phân trại quản lý phạm nhân làm Ủy viên thường trực, Trưởng phân trại quản lý phạm nhân, Đội trưởng Đội Quản giáo, Trung đội trưởng Cảnh sát bảo vệ, cán bộ trình sát, giáo dục, y tế của phân trại quản lý phạm nhân làm Ủy viên và Đội trưởng Đội Tham mưu làm Ủy viên thư ký. Công an cấp huyện thành lập Hội đồng xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù do Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, Đội trưởng Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp là Ủy viên thường trực, cán bộ quản giáo, y tế là Ủy viên và cán bộ tổng hợp của cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện là Ủy viên thư ký (trong Quân đội cũng được thực hiện tương tự).

Trước thời hạn xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, ít nhất là hai mươi ngày, các Trại giam, Trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện bố trí cho cán bộ quản giáo tổ chức họp đội phạm nhân để bình xét, giới thiệu, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho những người có đủ điều kiện và biểu quyết bằng hình thức giơ tay. Cuộc họp phải được lập biên bản, có chữ ký của cán bộ quản giáo và phạm nhân ghi biên bản. Trên cơ sở kết quả họp đội phạm nhân, cán bộ quản giáo lập danh sách và đề xuất mức giảm cho từng phạm nhân để báo cáo trước Tiểu ban của phân trại (đối với các Trại giam có thành lập Tiểu ban) hoặc báo cáo Hội đồng xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Trại giam, Trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện. Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có ít phạm nhân thì cán bộ quản giáo không tổ chức họp mà kiểm tra, rà soát, lập danh sách phạm nhân có đủ điều kiện xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, báo cáo Hội đồng xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Hội đồng xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Trại giam, Trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện họp nghe báo cáo kết quả xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của các Tiểu ban (đối với các Trại giam có thành lập Tiểu ban) hoặc của cán bộ quản giáo phụ trách đội phạm nhân và xét duyệt, đề nghị giảm thời hạn cho từng phạm nhân, sau đó hoàn chỉnh hồ sơ, danh sách do Chủ tịch Hội đồng ký.

Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, Trại tạm giam thuộc quân khu, cơ quan thi hành án hình sự

Công an cấp huyện chuyển hồ sơ, danh sách đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đến Hội đồng thẩm định có thẩm quyền để thẩm định.

Bước 2: Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, danh sách đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của các Trại giam và Trại tạm giam thuộc Bộ Công an. Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thành lập và làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định hồ sơ, danh sách đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Trại tạm giam Công an cấp tỉnh và Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện (trong Quân đội cũng được thực hiện tương tự).

Trại giam thuộc Bộ Công an chuyển hồ sơ, danh sách đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho phạm nhân đến Hội đồng thẩm định của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để thẩm định. Trại tạm giam thuộc Bộ Công an chuyển hồ sơ, danh sách đến Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý để xét duyệt, sau đó chuyển cho Hội đồng thẩm định của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an thẩm định. Căn cứ kết quả thẩm định đã được Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an duyệt, Giám thị Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an hoàn thành hồ sơ, danh sách, làm văn bản đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi phạm nhân đang chấp hành án phạt tù xem xét, quyết định, đồng thời gửi một bộ hồ sơ, danh sách đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp với Tòa án để thực hiện chức năng kiểm sát theo quy định của pháp luật. Giám thị Trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh và Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện chuyển hồ sơ, danh sách đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho Hội đồng thẩm định của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để thẩm định. Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh phối hợp với Trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hoàn chỉnh hồ sơ, danh sách đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù trình Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho phạm nhân, đồng thời chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để thực hiện chức năng kiểm sát (trong Quân đội cũng được thực hiện tương tự).

Qua nghiên cứu các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho phạm nhân, chúng tôi thấy rằng, các quy định này là phù hợp, đã xác định cụ thể thẩm quyền của từng cơ quan cũng như quy định chặt chẽ trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù. Chúng tôi cho rằng có thể nghiên cứu, tham khảo các quy định trên đây trong việc quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện.

Việc miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện sẽ được tiến hành định kỳ vào các dịp trong năm và sẽ có một số lượng tương đối lớn các phạm nhân trong diện được xét duyệt. Do đó, quá trình xem xét, quyết định việc miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện nên nghiên cứu có thể giao chủ yếu cho các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương nơi có Trại tạm giam, Trại giam,... (nơi phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù) phối hợp thực hiện để đảm bảo nhanh chóng, sát thực, hiệu quả, không nên dồn hết thẩm quyền xem xét, quyết định việc miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện lên các cơ quan cấp Trung ương có thể dẫn đến quá tải, hình thức, khó hiệu quả. Các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương sẽ tiến hành kiểm tra, thẩm định,... Về thời gian thực hiện thì việc miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện nên được tiến hành định kỳ hàng năm như vào: Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4), Ngày Quốc khánh (2/9), Tết Nguyên đán,...

III. VỀ NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI. – Thực trạng thi hành các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội: Giải pháp cho dự thảo sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự

Điều 18 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Người từ đủ 18 tuổi trở lên là người thành niên. Người chưa đủ mười tám tuổi là người chưa thành niên*”. Điều 1 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2014 quy định tuổi của trẻ em là dưới 16 tuổi. Điều 1 Luật thanh niên năm 2005 quy định thanh niên là người từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi.

Như vậy, một cách chung nhất, người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi. Đây là lứa tuổi đang phát triển về mặt thể chất, tâm sinh lý chưa ổn định, đang có nhu cầu khẳng định bản thân. Do đó, chỉ cần sự thiếu quan tâm, chăm sóc của gia đình, nhà trường hay sự lôi kéo rủ rê thì người chưa thành niên dễ sa vào con đường phạm tội. Do người chưa thành niên là người chưa phát triển hoàn thiện, nhận thức còn “non nớt” nên đối với người chưa thành niên phạm tội cần có những nguyên tắc, chính sách hình sự riêng để đảm bảo kịp thời xử lý hành vi phạm tội nhưng cũng là những biện pháp để uốn nắn, giáo dục người chưa thành niên đã phạm tội trở thành người tốt, khuyến khích việc sửa chữa, khắc phục sai lầm của người chưa thành niên phạm tội, sớm tái hòa nhập cộng đồng. Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong thời gian qua đã thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự hiện hành, tuổi chịu trách nhiệm hình sự là: Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm; người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Bên cạnh đó, Bộ

luật hình sự hiện hành có một chương riêng quy định đối với người chưa thành niên phạm tội, theo đó, người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung Bộ luật không trái với những quy định của Chương này.

Trong quá trình nghiên cứu sửa đổi Bộ luật hình sự có một số ý kiến đề nghị cần nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, theo đó:

- Hoàn thiện các nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội;
- Sửa đổi, bổ sung quy định về tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự theo hướng thu hẹp phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội;
- Bổ sung quy định miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện đối với người chưa thành niên;

Trong nội dung bài nghiên cứu này, chúng tôi xin đi sâu phân tích về việc tiếp tục hoàn thiện nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội và việc bổ sung chế định các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

a) Về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội

Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội là một nội dung quan trọng thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội, mang tính định hướng cho việc xây dựng các điều luật cụ thể quy định đối với người chưa thành niên phạm tội, đồng thời đóng vai trò định hướng cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội.

Để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 và tăng cường hiệu quả giáo dục đối với người chưa thành niên phạm tội, chúng tôi cho rằng nên tiếp tục hoàn thiện các nguyên tắc xử lý đối với người thành niên phạm tội như sau:

- Bổ sung nguyên tắc việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải “bảo đảm lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên”. Khoản 2 Điều 36 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em”. Khoản 1 Điều 37 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”. Điều 3 Công ước quyền trẻ em quy định

“trong mọi hành động đối với trẻ em, dù là cơ quan phúc lợi xã hội của nhà nước hay của tư nhân, Tòa án, nhà chức trách hành chính hay cơ quan lập pháp, lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu”. Nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên không có nghĩa là coi nhẹ lợi ích của Nhà nước, của xã hội, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác mà nội dung của nguyên tắc này là đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, cá nhân, khi tiến hành các hoạt động liên quan đến người chưa thành niên, cần bảo đảm rằng quyết định đó là tốt nhất cho người chưa thành niên, trong mối quan hệ hài hòa với các lợi ích khác, cũng như đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

- Sửa đổi nguyên tắc “khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật này” tại khoản 4 Điều 69 thành “khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội nếu xét thấy việc áp dụng một trong các biện pháp tư pháp... không bảo đảm mục đích giáo dục, phòng ngừa”. Đồng thời, bên cạnh quy định không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội; khi áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù; khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng,... thì nên bổ sung thêm quy định “trong thời gian thích hợp ngắn nhất”. Chúng tôi cho rằng việc bổ sung, hoàn thiện những quy định trên có ý nghĩa thiết thực trong việc định hướng cho các cơ quan tiến hành tố tụng cân nhắc, lựa chọn giữa các chế tài có thể áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội để ưu tiên áp dụng các biện pháp tư pháp và chế tài không tước tự do, hạn chế đến mức thấp nhất việc áp dụng các chế tài giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội, tạo thuận lợi cho quá trình tái hòa nhập cộng đồng của người chưa thành niên phạm tội. Hình phạt tù có thời hạn chỉ nên áp dụng trong trường hợp nhận thấy việc áp dụng các biện pháp tư pháp, các hình phạt không tước tự do là hoàn toàn không thích hợp, không vì lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên, đồng thời, thời hạn tù cần được xác định sao cho trong thời gian thích hợp ngắn nhất, đủ để vừa là biện pháp răn đe vừa giáo dục, giúp người chưa thành niên đã phạm tội sửa chữa sai lầm, nhanh chóng được hòa nhập với cộng đồng.

b) Về chế định các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

Để tiếp tục hoàn thiện các quy định xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, theo chúng tôi nên nghiên cứu quy định chế định về các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội. Việc quy định thêm chế định này

nhằm tăng cường các biện pháp phòng ngừa, giáo dục mang tính xã hội đối với người chưa thành niên phạm tội.

Thứ nhất, về khái niệm biện pháp thay thế xử lý hình sự có thể được hiểu là biện pháp mang tính giáo dục được áp dụng để thay thế cho việc xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội khi những đối tượng này đáp ứng được các điều kiện được quy định trong Bộ luật hình sự, bao gồm khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức.

Thứ hai, theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự hiện hành thì: “Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục”. Cùng với việc quy định miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong một số trường hợp, theo chúng tôi, có thể nghiên cứu quy định các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong những trường hợp này (bao gồm 03 biện pháp: khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức). Quy định như vậy vừa tăng cường việc giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên phạm tội vừa bảo đảm sự linh hoạt, chủ động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc lựa chọn biện pháp thay thế xử lý hình sự (03 biện pháp) đối với người chưa thành niên phạm tội.

Thứ ba, chúng tôi cho rằng cùng với việc quy định các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, cần quy định chặt chẽ điều kiện áp dụng các biện pháp này. Theo đó, người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có căn cứ để chứng minh người chưa thành niên đã thực hiện một tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng;
- Thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, gây thiệt hại không lớn;
- Người chưa thành niên phạm tội có thái độ hối cải, thành thật khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả do mình gây ra.

Có ý kiến cho rằng cần mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo hướng người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự nếu người đó phạm tội rất nghiêm trọng và đáp ứng các điều kiện nêu trên. Tuy nhiên, theo chúng tôi, không nên mở rộng áp dụng đối với trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng.

Vì theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự hiện hành thì tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù. Như vậy, nếu mở rộng trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội rất nghiêm trọng sẽ mâu thuẫn với một trong các điều kiện có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự là: gây thiệt hại không lớn. Hơn nữa, trong trường hợp người chưa thành niên phạm tội rất nghiêm trọng mà có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự (với 03 biện pháp: khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức) là chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm.

Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị bổ sung thêm điều kiện áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là: người chưa thành niên và người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự. Chúng tôi cho rằng không nhất thiết phải bổ sung điều kiện này vì việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là đã áp dụng chế định hình sự nhẹ hơn đối với người chưa thành niên phạm tội. Trên thực tế, khi thực hiện một hành vi phạm tội, bản thân người chưa thành niên đã vi phạm pháp luật hình sự của Nhà nước nhưng do họ thuộc đối tượng chưa thành niên nên trong những điều kiện nhất định được miễn trách nhiệm hình sự nhưng cần quy định nếu được miễn trách nhiệm hình sự thì phải áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự để giáo dục người chưa thành niên đã phạm tội sửa chữa sai lầm, trở thành người có ích cho xã hội.

Thứ tư, về ba biện pháp được áp dụng thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội (khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức), theo chúng tôi cần phải nghiên cứu quy định cụ thể các trường hợp để áp dụng từng biện pháp. Việc quy định như vậy sẽ tạo sự thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật và thuận tiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xử lý người chưa thành niên phạm tội. Ngoài ra, bên cạnh việc quy định thời gian, nghĩa vụ,... của người bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự, cũng cần quy định cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, giám sát và cơ chế kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện của người bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự. Theo chúng tôi đây cũng là những nội dung quan trọng cần được quy định vì với mục đích giúp người chưa thành niên đã phạm tội nhận thức được hành vi sai trái, sửa chữa sai lầm thì cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp thay thế xử lý hình sự cũng vô cùng quan trọng.

Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009) có vị trí rất quan trọng trong hệ thống pháp luật. Việc sửa đổi Bộ luật hình sự liên quan đến nhiều nội dung khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi xin nghiên cứu, kiến nghị một số nội dung liên quan đến chế định về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại có điều kiện và những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội nhằm góp phần nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự.

